

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **3825**/UBND-TH

V/v thực hiện Báo cáo kết luận của KTNN chuyên đề quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp, đầu tư XDCEB và Chương trình mục tiêu Giáo dục đào tạo giai đoạn 2008-2012 của tỉnh Bình Định

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày **19** tháng 9 năm 2013

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nội vụ;
- Sở Xây dựng;
- Sở Lao động TB và XH;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- KBNN các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND thành phố Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn, UBND các huyện: Phù Mỹ, Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Tây Sơn;
- Trường CĐ Y tế Bình Định;
- Trường CĐ Nghề Quy Nhơn;
- Trường CĐ Bình Định.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán Chuyên đề Quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp, đầu tư XDCEB và Chương trình mục tiêu giáo dục đào tạo giai đoạn 2008 – 2012 của tỉnh Bình Định gửi kèm theo Công văn số 251/KTNN-TH ngày 16/8/2013 của Kiểm toán Nhà nước, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung kiến nghị nêu trong Báo cáo kiểm toán, cụ thể như sau:

I. Xử lý về tài chính:

1. Xuất toán thu hồi nộp Ngân sách Nhà nước **1.542.368.131 đồng** (chi tiết tại cột 4 Phụ lục số 01 gửi kèm theo). Trong đó:

- a) Sở Giáo dục và Đào tạo : 300.363.111 đồng
- b) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội : 563.738.408 đồng
- c) Trường Cao đẳng Y tế Bình Định : 110.076.478 đồng

d) Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn	: 27.395.000 đồng
đ) Trường Cao đẳng Bình Định	: 314.304.307 đồng
e) Huyện Phù Mỹ	: 762.308 đồng
g) Huyện Tuy Phước	: 26.068.675 đồng
h) Huyện Phù Cát	: 24.286.034 đồng
i) Huyện Hoài Nhơn	: 6.607.271 đồng
k) Huyện Hoài Ân	: 78.892.009 đồng
l) Huyện Tây Sơn	: 40.581.054 đồng
m) Thành phố Quy Nhơn	: 49.293.475 đồng

2. Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước các khoản còn thừa và các khoản thu sai quy định **343.641.510 đồng** (chi tiết tại cột 5 Phụ lục số 01 gửi kèm theo). Trong đó:

a) Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn	: 139.275.000 đồng
b) Thị xã An Nhơn	: 173.500.000 đồng
c) Huyện Hoài Nhơn	: 30.866.510 đồng

3. Nộp NSNN các khoản thuế TNDN do Kiểm toán Nhà nước xác định tăng thêm **91.241.179 đồng** (chi tiết tại cột 6 Phụ lục số 01 gửi kèm theo). Trong đó:

a) Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn	: 8.757.550 đồng
b) Trường Cao đẳng Bình Định	: 45.879.306 đồng
c) Thành phố Quy Nhơn	: 36.604.323 đồng

4. Giảm trừ dự toán năm sau **13.338.452.956 đồng** (chi tiết tại cột 7 Phụ lục số 01 gửi kèm theo). Trong đó:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo:	: 147.200.000 đồng
b) Thị xã An Nhơn	: 3.749.550.400 đồng
c) Huyện Phù Mỹ	: 822.643.654 đồng
d) Huyện Tuy Phước	: 1.001.900.000 đồng
đ) Huyện Hoài Nhơn	: 6.154.374.366 đồng
e) Huyện Hoài Ân	: 1.462.784.536 đồng

5. Giảm thanh toán **817.302.497 đồng** (chi tiết tại cột 8 Phụ lục số 01 gửi kèm theo). Trong đó:

a) Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	: 16.151.979 đồng
b) Trường Cao đẳng Bình Định	: 438.972.871 đồng
c) Thị xã An Nhơn	: 94.637.537 đồng

d) Huyện Phú Mỹ	: 92.064.698 đồng
đ) Huyện Hoài Nhơn	: 169.803.856 đồng
e) Huyện Tây Sơn	: 5.671.556 đồng

6. Thực hiện kiến nghị khác **7.070.281.124 đồng** (chi tiết tại cột 9 Phụ lục số 01 gửi kèm theo). Trong đó:

a) Sở Tài chính	: 1.327.400.000 đồng
b) Sở Giáo dục và Đào tạo	: 934.018.000 đồng
c) Trường Cao đẳng Bình Định	: 638.100.124 đồng
d) Huyện Hoài Nhơn	: 2.269.000.000 đồng
e) Huyện Hoài Ân	: 101.763.000 đồng
g) Thành phố Quy Nhơn	: 1.800.000.000 đồng

II. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán; công tác quản lý, chỉ đạo liên quan đến Chuyên đề này.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Thực hiện rà soát điều chỉnh, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; có biện pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu biên chế; xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức hàng năm, kế hoạch trung dài hạn, kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, điều động, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ công chức và người lao động.

b) Thực hiện quy hoạch bổ sung cơ sở vật chất đồng bộ (do quy hoạch thiếu hệ thống nhà hiệu bộ, phòng bộ môn, phòng chuẩn bị, phòng thư viện, phòng giáo dục thể chất, khu vệ sinh....), trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai đầu tư theo quy định.

c) Chấn chỉnh việc thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học chưa căn cứ vào nhu cầu thực tế tại đơn vị; tăng cường công tác quản lý, sử dụng đối với thiết bị dạy học bộ môn GDQP-AN tại các trường THPT, tránh tình trạng thiết bị mua về tồn kho, không sử dụng gây lãng phí NSNN và bị thất lạc gây nguy hiểm cho cộng đồng.

d) Kiện toàn công tác Kế hoạch - Tài chính toàn ngành, trong đó cần quan tâm đúng mức đến công tác đối chiếu số liệu định kỳ và hàng năm, lập, điều chỉnh số liệu quyết toán toàn ngành theo đúng qui định; xem xét bổ sung nhân sự để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát, xác định biên chế thừa, thiếu giữa các đơn vị trong ngành để điều hòa một cách hợp lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ.

g) Triển khai phương án chuyển đổi loại hình trường mầm non bán công sang công lập theo quy định của Luật Giáo dục và hướng dẫn các trường xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Thông

tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính.

h) Thường trực tham gia, phối hợp với Ban chỉ đạo Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên của tỉnh rà soát lại danh mục công trình dự kiến đầu tư trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2012 – 2015; xác định đúng nhu cầu cần đầu tư, tránh tình trạng thừa, thiếu phòng học, nhà hiệu bộ, phòng bộ môn như kết quả kiểm toán đã nêu.

2. Sở Tài chính:

a) Chấn chỉnh những tồn tại trong việc tham mưu cho UBND tỉnh bố trí không đủ kinh phí theo tỷ lệ cho sự nghiệp giáo dục đào tạo; giao dự toán thu cho Sở Giáo dục và Đào tạo không sát với thực tế; không thực hiện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm cho các đơn vị thuộc thẩm quyền; không chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Quy Nhơn thẩm tra xét duyệt báo cáo quyết toán Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

b) Kiểm tra nguồn cải cách tiền lương của Sở Giáo dục và Đào tạo từ năm 2008-2012, xác định thừa, thiếu theo quy định.

c) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc đăng ký, kê khai nộp thuế và quyết toán thuế đối với các khoản dịch vụ theo Điều 7 Luật Quản lý thuế.

d) Kiểm tra xem xét việc thu học phí năm 2008, 2009 vượt mức quy định tại Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 và Quyết định số 1310/QĐ-TTg ngày 21/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền 1.139.887.300 đồng (trong đó năm học 2008 – 2009: 214.544.300 đồng, năm học 2009 – 2010: 925.343.000 đồng) và báo cáo UBND tỉnh về nội dung thu học phí tại trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn.

e) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện phân bổ dự toán cho lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo đảm bảo tỷ lệ 80/20 theo quy định; có biện pháp chấn chỉnh việc phân bổ còn giữ lại nguồn, tiêu chí phân bổ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa kịp thời điều hành kinh phí một cách linh hoạt, hợp lý (hủy dự toán, chuyển năm sau) trong khi tỷ lệ chi hoạt động chưa đảm bảo mức tối thiểu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chấn chỉnh trong công tác điều hành, tham mưu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư XDCB, bố trí kế hoạch vốn theo danh mục và mục tiêu đã được Trung ương phê duyệt đối với vốn Chương trình MTQG Giáo dục và Đào tạo và vốn Trái phiếu Chính phủ; kịp thời sử dụng kinh phí, tránh tình trạng không sử dụng hết phải chuyển sang năm sau số tiền lớn.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình MTQG Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thường trực Ban chỉ đạo.

4. Sở Nội vụ:

a) Báo cáo UBND tỉnh về việc giao biên chế thừa so với định mức 5 năm

là 1.107 giáo viên (Sở Giáo dục và Đào tạo 651 người, huyện Phù Cát 196 người, huyện Tuy Phước 220 người, huyện An Lão 24 người, huyện Hoài Ân 16 người), gây lãng phí ngân sách nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm chính và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, xác định biên chế thừa, thiếu giữa tại các đơn vị; xây dựng phương án điều hòa từ nơi thừa đến nơi thiếu để tham mưu cho UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

5. Sở Xây dựng:

Thực hiện việc rà soát để điều chỉnh đơn giá xây dựng cơ bản của địa phương đối với mã hiệu định mức AL.75110 vận chuyển vật liệu lên cao theo đúng định mức tại Công văn số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

6. KBNN tỉnh và KBNN các huyện, thị xã, thành phố:

a) Rút kinh nghiệm trong việc kiểm soát chi, đảm bảo kinh phí của chương trình được sử dụng đúng nội dung, mục tiêu và đối tượng được xác định.

b) Phối hợp với các bên có liên quan thực hiện việc nộp các khoản kinh phí đã được Kiểm toán nhà nước khu vực III kiến nghị xuất toán, thu hồi.

7. UBND các huyện Phù Mỹ, Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Tây Sơn, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện rà soát điều chỉnh, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học các trường (nhất là việc thừa, thiếu phòng học, phòng hiệu bộ, nhà bộ môn...) theo phân cấp trước khi thực hiện đầu tư; chỉ đạo Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo chấn chỉnh tình trạng thừa, thiếu biên chế để thực hiện điều hòa từ nơi thừa đến nơi thiếu đảm bảo việc dạy và học.

b) Chấn chỉnh việc phê duyệt các dự án đầu tư không đúng nội dung, mục tiêu, công năng sử dụng, phê duyệt vượt so với nhu cầu sử dụng, không đúng địa bàn được đầu tư; bố trí vốn chưa ưu tiên trả nợ, chuyển tiếp, đối ứng, khởi công mới và mua sắm trang thiết bị vượt quá nhu cầu sử dụng, gây lãng phí NSNN (kể cả Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên);

c) Chỉ đạo việc tham mưu bố trí vốn ưu tiên cho trả nợ XDCB theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Đối với thành phố Quy Nhơn và huyện Phù Cát, cần sớm triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 05/4/2005 của Chính phủ.

e) Đối với huyện Phù Mỹ, cần rà soát, sửa đổi nội dung quy định tại Điều 9 Quyết định số 5258/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của UBND huyện: “Thời gian lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành chậm nhất 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng” trái với quy định của Thông tư 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 và Thông tư 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính.

III. Rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân:

1. UBND các huyện: Hoài Nhơn, Hoài Ân, Tuy Phước, Phù Cát tổ chức rút kinh nghiệm trong việc quản lý tài sản được đầu tư từ các Chương trình MTQG nhưng không theo dõi và ghi tăng tài sản cố định theo quy định.

2. UBND các huyện: Tuy Phước, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ và UBND thị xã An Nhơn tổ chức rút kinh nghiệm trong việc quản lý nguồn học phí không đúng quy định (thực hiện trích và quản lý chung tại Phòng Giáo dục và Đào tạo).

3. Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn tổ chức rút kinh nghiệm trong việc thu học phí và lệ phí tuyển sinh các năm học không đúng quy định.

4. Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn, UBND các huyện: Phù Mỹ, Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Tây Sơn tổ chức rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức cán bộ và quản lý, điều hành nguồn nhân lực không đúng quy định để tình trạng giáo viên giao vượt định mức, thừa thiếu giáo viên, phải chi cho dạy tăng, dạy thay...gây lãng phí ngân sách Nhà nước.

5. Kiểm điểm tập thể và cá nhân của Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc phê duyệt, mua sắm thiết bị phòng học qua mạng nhưng không sử dụng, mua sắm nhưng không xác định đúng nhu cầu, dẫn đến thiết bị để tồn kho qua nhiều năm không sử dụng, thiết bị kém chất lượng gây lãng phí ngân sách Nhà nước.

6. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân Ban chỉ đạo Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư có liên quan trong việc tham mưu và phê duyệt các dự án đầu tư không đúng nội dung, công năng sử dụng; phê duyệt khi chưa đủ thủ tục đầu tư; phê duyệt vượt so với nhu cầu sử dụng đối với các dự án đầu tư; bố trí không đúng mục đích và nội dung kinh phí Chương trình MTQG.

Yêu cầu các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện Công văn này, đồng thời thực hiện các kiến nghị đã nêu trong các Báo cáo kiểm toán và Biên bản kiểm toán tại đơn vị; gửi báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán về Sở Tài chính trước ngày 25/11/2013 để tổng hợp, báo cáo cho UBND tỉnh và Kiểm toán Nhà nước khu vực III theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP, K17.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Thanh Thắng



Phụ lục số 01

Công văn số 3825/UBND-TH ngày 19/9/2013 của UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Các khoản nộp NSNN tăng thêm					Giảm trừ dự toán năm sau	Giảm thanh toán	Kiến nghị khác
		Tổng số	Các khoản xuất toán	Kinh phí thừa các khoản thu sai qui định	Các khoản thuế	Khác			
1	2	3	4	5	6	7	7	8	9
I	Khối tỉnh	1.656.989.160	1.315.877.304	139.275.000	54.636.856		147.200.000	455.124.850	2.899.518.124
1	Trường CĐ Y tế Bình Định	110.076.478	110.076.478					16.151.979	
2	Trường CĐ Nghề Quy Nhơn	175.427.550	27.395.000	139.275.000	8.757.550				
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	447.563.111	300.363.111				147.200.000		934.018.000
a	Ban quản lý Dự án xây dựng ngành giáo dục	290.781.868	290.781.868						
b	Văn phòng Sở Giáo dục								66.000.000
c	Trường THPT An Nhơn 1	9.581.243	9.581.243						
d	Trung tâm Giáo dục TXHN Tây Sơn								868.018.000
e	Trung tâm Giáo dục TXHN Quy Nhơn	147.200.000	147.200.000						
4	Trường Cao đẳng Bình Định	360.183.613	314.304.307		45.879.306			438.972.871	638.100.124
5	Sở Lao động TB và XH	563.738.408	563.738.408						
a	Trung tâm Dạy nghề Phù Mỹ	31.952.468	31.952.468						
b	Trường TC Nghề thủ công mỹ nghệ Bình Định	197.457.386	197.457.386						
c	Trường Trung cấp Nghề Hoài Nhơn	334.328.554	334.328.554						
6	Sở Tài chính								1.327.400.000
II	Khối huyện	467.461.659	226.490.826	204.366.510	36.604.323		13.191.252.956	362.177.647	4.170.763.000
1	Huyện An Nhơn	173.500.000		173.500.000			3.749.550.400	94.637.537	
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	173.500.000		173.500.000					
b	Phòng Giáo dục và Đào tạo						3749550400		
c	Ban QLDA ĐT và XD An Nhơn							94.637.537	
2	Huyện Phù Mỹ	762.308	762.308				822.643.654	92.064.698	
a	Phòng Giáo dục và Đào tạo						822.643.654		
b	Ban QLDA ĐT và XD Phù Mỹ							90.732.738	
c	Ban QLDA ĐT và XD Ngành GD huyện Phù Mỹ	762.308	762.308					1.331.960	
3	Huyện Tuy Phước	26.068.675	26.068.675				1.001.900.000		
a	Ban QLDA ĐT&XD Tuy Phước	26.068.675	26.068.675						
b	Phòng Giáo dục và Đào tạo						1.001.900.000		

4	Huyện Phù Cát	24.286.034	24.286.034						
	Ban QLDA ĐT và XD Phù Cát	24.286.034	24.286.034						
5	Huyện Hoài Nhơn	37.473.781	6.607.271	30.866.510			6.154.374.366	169.803.856	2.269.000.000
a	Phòng Giáo dục và Đào tạo	30.866.510		30.866.510			6.154.374.366	33.933.000	
b	Ban QLDA ĐT và XD Hoài Nhơn	6.607.271	6.607.271					135.870.856	
c	Phòng Tài chính Kế hoạch								2.269.000.000
6	Huyện Hoài Ân	78.892.009	78.892.009				1.462.784.536		101.763.000
a	Phòng Giáo dục và Đào tạo						1.462.784.536		
b	Ban QLDA ĐT và XD Hoài Ân	78.892.009	78.892.009						
c	Phòng Tài chính Kế hoạch								101.763.000
7	Huyện Tây Sơn	40.581.054	40.581.054					5.671.556	
	Ban QLDA ĐT và XD Tây Sơn	40.581.054	40.581.054					5.671.556	
8	Thành phố Quy Nhơn	85.897.798	49.293.475		36.604.323				1.800.000.000
a	Phòng Giáo dục và Đào tạo	36.604.323			36.604.323				
b	Ban QLDA ĐT và XD Quy Nhơn	49.293.475	49.293.475						1.800.000.000
	Tổng cộng	2.124.450.820	1.542.368.131	343.641.510	91.241.179		13.338.452.956	817.302.497	7.070.281.124